

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-6-2019.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Hùng Phong.

2. Ông Võ Tấn Nga.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị Kim C, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Xa M, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Anh Quách Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Xa M, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019 nguyên đơn chị Triệu Thị Kim C trình bày:* Chị với anh T được hai gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2002 đúng theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa chị với anh T có chung với nhau 02 người con tên là Quách Văn T1, sinh ngày 11/6/2003 và Quách Văn Đ, sinh ngày 07/11/2005. Trong thời gian đầu giữa hai người sống chung với nhau rất hạnh phúc, tuy nhiên cách đây khoảng 02 năm thì giữa chị với anh T thường phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng ý kiến, cuộc

sống hôn nhân giữa chị với anh T không còn hạnh phúc như xưa. Về tài sản và nợ chung thì giữa chị với anh T đã thỏa thuận xong.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa chị với anh T là vợ chồng, về con thì chị đồng ý nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Quách Văn T trình bày như sau:* Anh Thống nhất với lời trình bày của chị C về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị C yêu cầu Tòa án không công nhận giữa anh với chị C là vợ chồng anh đồng ý, về con chung anh đồng ý giao 02 con chung cho chị C nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

*Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Về nội dung: Đối với hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị C về việc không công nhận giữa chị C với anh T là vợ chồng, về con chung đề nghị HĐXX giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn Phú L, huyện Thạnh T nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn Triệu Thị Kim C và bị đơn Quách Văn T. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị C và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C và anh T thống nhất hai người sống chung với nhau và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xét thấy, giữa chị C và anh T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hiện tình cảm giữa chị C và anh T không còn. Nay chị C yêu cầu

không công nhận giữa chị với anh T là vợ chồng và anh T cũng đồng ý. Do đó, HĐXX tuyên bố không công nhận chị Triệu Thị Kim C và anh Quách Văn T là vợ, chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”.

[4] *Về nuôi dưỡng con chung*: Chị C và anh T thống nhất có 02 đứa con chung là Quách Văn T1, sinh ngày 11/6/2003 và Quách Văn Đ, sinh ngày 07/11/2005. Anh T thống nhất giao hai con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu Đạt có cuộc sống ổn định với chị C và đang đi học, nên HĐXX thiết nghĩ không cần phải thay đổi cuộc sống của cháu Đạt. Đồng thời, cháu Đạt cũng có nguyện vọng là được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Đối với Quách Văn T1 hiện đã trên 16 tuổi, theo chị C hiện Tính đang làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh có thu nhập và tự lo được cuộc sống mình. Mặc dù Tính hiện đang làm thuê và có thu nhập lo cho cuộc sống của mình, tuy nhiên Tính vẫn chưa đủ 18 tuổi là người chưa thành niên nên cần có sự hỗ trợ, nuôi dưỡng và chăm lo của cha mẹ. Nên việc giao Quách Văn T1 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giao con chung cho chị C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận. Dành quyền cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[5] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Chị C và anh T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị C và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị Kim C.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Triệu Thị Kim C và anh Quách Văn T là vợ chồng.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Quách Văn T1, sinh ngày 11/6/2003 và Quách Văn Đ, sinh ngày 07/11/2005 cho chị Triệu Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Quách Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Quách Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008127 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, chị C đã nộp xong tiền án phí.

Bị đơn anh Quách Văn T không phải chịu tiền án phí.

**5. Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phước Toàn**